TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_TH01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XÉT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
					091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	
1	CD50900105	Châu Hoàng Thiên	Ân	C09_TH01	5.25	6.52	7.00	6.83	7.48		7.25	7.28	78	38	BT			BT			
2	CD50807269	Ngô Thiên	Ân	C09_TH01	6.13	6.00	1.00	3.75	5.72	3.00	4.88	5.59	64	30	BT			BT			
3	CD50900106	Hồ Xuân	Bách	C09_TH01	3.88	5.48	3.67	4.45	5.40		4.04	5.51	49	26	BT			BT			
4	CD50900107	Lý Phú	Bằng	C09_TH01	5.75	5.10	1.00	6.21	5.71	3.67	6.71	6.00	63	32	BT			BT			
5	CD50800438	Lâm Văn	Chỉ	C09_TH01	4.81	3.67	3.00	4.58	3.45		2.17	3.90	36	17	CCHV_2	Ko_DKMH	No_HP	CCHV_2	BTD_DKMH	DC_HPHI	Buộc tạm dừng học
6	CD50827471	Nguyễn Mạnh	Cường	C09_TH01	0.13	2.33	5.00	4.42	3.39	3.00	1.43	3.02	27	12	CCHV_4	Ko_DKMH	No_HP	BTH	BTD_DKMH	DC_HPHI	Buộc thôi học
7	CD50900111	Nguyễn Vũ	Minh	C09_TH01	3.94	3.00		3.80	3.35	4.00	0.71	3.63	24	13	CCHV_2	Ko_DKMH	No_HP2	CCHV_2	BTD_DKMH	DC_HPHI	Buộc tạm dừng học
8	CD50900114	Nguyễn Thành	Nhân	C09_TH01	5.81	6.76		5.94	5.83		7.14	6.37	79	38	BT			BT			
9	CD50811485	Nguyễn Thanh	Phong	C09_TH01				3.59	4.14		4.43	4.31	37	18	BT			BT			
10	CD50900115	Lý Cẩm	Quốc	C09_TH01	5.38	4.67		4.95	5.78	6.67	4.64	5.69	63	32	BT			BT			
11	CD50900116	Tăng Hải	Quốc	C09_TH01	6.31	7.71	6.00	6.93	6.61		6.47	7.05	81	39	BT			BT			
12	CD50812804	Bùi Quang	Sang	C09_TH01	5.63	5.19	5.00	7.00	5.90		6.56	6.45	79	38	BT			BT			
13	CD50900118	Lê Minh Lam	Sơn	C09_TH01	4.44	4.95	3.33	4.60	4.15		5.71	5.11	52	26	BT			BT			
14	CD50900119	Nguyễn Thanh	Tâm	C09_TH01	7.94	8.19		7.36	7.56		7.53	7.81	83	40	BT			BT			
15	CD50616367	Nguyễn Thành	Tâm	C09_TH01	2.00	2.67	5.33	3.71	5.05		4.65	4.71	50	26	BT			BT			
16	CD50900121	Trần Minh Thoại	Tân	C09_TH01	4.94	4.29		4.00	5.29	5.00	6.93	5.30	61	30	BT			BT			
17	CD50703714	Trần Thế	Tân	C09_TH01				5.29	1.67		3.36	4.44	40	19	BT	Ko_DKMH		BT	BTD_DKMH		Buộc tạm dừng học
18	CD50900122	Nguyễn Thành	Thái	C09_TH01	4.13	3.00	1.00	4.10	5.38	10.00	8.13	5.57	58	28	BT			BT			
19	CD50900123	Trần Hoàng	Thắng	C09_TH01	6.06	6.33	6.00	7.64	7.57		8.00	7.30	83	40	BT			BT			
20	CD50805019	Ngô Tuấn	Thịnh	C09_TH01	5.75	4.00			0.27			3.37	20	10	DB_CCHV_3	Ko_DKMH		BTH	BTD_DKMH		Buộc thôi học
21	CD50807277	Trương Từ	Thịnh	C09_TH01	4.38	3.05	4.00	5.29	5.74	4.00	1.65	4.54	51	25	CCHV_2	Ko_DKMH	No_HP	CCHV_2	BTD_DKMH	DC_HPHI	Buộc tạm dừng học
22	CD50809126	Trần Thị Thanh	Thúy	C09_TH01				3.45	3.95	4.00	3.52	4.67	46	22	BT			BT			
23	CD50810803	Nguyễn Đăng Trung	Tín	C09_TH01	3.92	2.86	4.67	4.00	4.38		1.53	3.95	41	19	CCHV_2	Ko_DKMH	No_HP	CCHV_2	BTD_DKMH	DC_HPHI	Buộc tạm dừng học
24	CD50900125	Phạm Minh	Trí	C09_TH01	5.06	5.81	4.33	4.63	5.09	9.00	5.65	5.76	69	34	BT			BT			
25	CD50706147	Trần Bảo	Trung	C09_TH01	3.88	4.81	4.00	3.18	3.91		3.93	4.43	37	20	BT			BT			
26	CD50900127	Phạm Văn	Tuấn	C09_TH01	6.63	5.10	6.00	5.29	4.83		4.06	5.43	57	27	BT			BT			
27	CD50818702	Lâm Minh	Tùng	C09_TH01				2.67	1.56	0.00	0.07	2.92	27	13	CCHV_3	Ko_DKMH		BTH	BTD_DKMH		Buộc thôi học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_TH01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XÉT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
					091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	
28	CD50802821	Nguyễn Quốc	Vinh	C09_TH01	5.25	3.76	3.67	1.88	1.65	1.00	0.00	2.82	31	14	DB_CCHV_4	Ko_DKMH	No_HP1	BTH	BTD_DKMH	DC_HPHI	Buộc thôi học
29	CD50900048	Lê Tuấn	Vũ	C09_TH01	6.35	5.67	6.00	5.88	5.24		5.44	5.93	78	39	BT			BT			
30	CD50900128	Lê Xuân	Vương	C09_TH01	3.25	5.00	4.00	5.58	4.35	4.00	3.22	4.84	54	26	BT			BT			
31	CD50817006	Âu Bạch	Yến	C09_TH01	6.63	5.43	1.00	5.79	6.35	5.00	6.50	6.53	74	36	BT			BT			

Lưu ý: Học phí và Điểm trung bình được tính đến ngày 12/03/2012

Qui ước:

No_HP : Nợ học phí học kỳ
No_HP1 : Nợ học phí học kỳ + học kỳ hè
No_HP2 : Nợ học phí học lại
No_HP3 : Nợ học phí học kỳ hè

CCHV_1 : Cảnh cáo học vụ lần 1
CCHV_2 : Cảnh cáo học vụ lần 2
CCHV_3 : Cảnh cáo học vụ lần 3
CCHV_4 : Cảnh cáo học vụ lần 4

Ko_DKMH : Không đăng ký môn học
TAMDUNG : Sinh viên xin tạm dừng học
BT : Kết quả học tập bình thường

BTD : Buộc tạm dừng học
BTH : Buộc thôi học

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

NGƯỜI LẬP BẢNG

NGUYỄN THỊ MINH TRÚC

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

GS. TS. ĐÀO VĂN LƯỢNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_TH02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XÉT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
					091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	
1	CD50900130	Trần Quý	Bình	C09_TH02	5.38	4.10	6.00	5.36	5.85	4.00	3.79	5.12	63	32	BT			BT			
2	CD50900131	Vũ Minh	Chí	C09_TH02	5.31	4.05	0.00	2.29	4.89	3.00	4.14	4.19	38	18	BT			BT			
3	CD50900132	Lâm Thanh	Hòa	C09_TH02	4.44	3.86	5.00	5.14	2.90		3.36	4.15	38	19	BT			BT			
4	CD50900133	Trần Vinh	Hòa	C09_TH02	5.94	5.62		5.57	8.11		6.47	6.51	81	39	BT			BT			
5	CD50900134	Dương Ngọc Kim	Hoàn	C09_TH02	6.06	5.19	6.00	4.88	6.60		7.11	6.49	76	37	BT			BT			
6	CD50900135	Nguyễn Xuân	Hoàng	C09_TH02	3.56	5.14	2.00	2.89	5.94	2.00	5.20	5.05	58	28	BT			BT			
7	CD50900137	Nguyễn Phạm Vân	Hồng	C09_TH02	4.81	4.95	0.00	4.64	5.17		4.39	4.84	53	27	BT			BT			
8	CD50900139	Phạm Huỳnh	Lâm	C09_TH02	5.06	5.57	5.00	4.93	3.56		1.00	4.30	47	24	CCHV_1	Ko_DKMH		CCHV_1	BTD_DKMH		Buộc tạm dừng học
9	CD50900140	Trương Thị Ngọc	Linh	C09_TH02	4.25	3.62	0.00	4.79	3.95		0.00	3.49	38	20	DB_CCHV_1	Ko_DKMH	No_HP	CCHV_1	BTD_DKMH	DC_HPHI	Buộc tạm dừng học
10	CD50900141	Phong Thảo	Minh	C09_TH02	4.94	5.00	5.00	5.64	5.65	3.00	5.65	5.67	70	34	BT			BT			
11	CD50900142	Võ Hùng	Nghiêm	C09_TH02	7.00	7.29		6.29	5.89		6.81	6.75	83	40	BT			BT			
12	CD50900144	Nguyễn Minh	Phong	C09_TH02	7.81	6.90		6.43	7.94		8.00	7.53	83	40	BT			BT			
13	CD50900149	Vòng Hối	Quay	C09_TH02	4.63	4.48	3.00	2.21	3.10		2.64	3.86	33	16	CCHV_2	Ko_DKMH	No_HP	CCHV_2	BTD_DKMH	DC_HPHI	Buộc tạm dừng học
14	CD50900150	Lê Ngọc	Quý	C09_TH02	6.50	6.14		5.93	6.83		6.61	6.53	80	39	BT			BT			
15	CD50900152	Trần Hùng	Sơn	C09_TH02	5.81	4.57	2.00	2.00	3.60		1.00	3.89	35	17	CCHV_2	Ko_DKMH		CCHV_2	BTD_DKMH		Buộc tạm dừng học
16	CD50900153	Phạm Văn	Tài	C09_TH02	5.38	4.10	3.67	3.43	1.47		5.31	4.28	42	22	BT			BT			
17	CD50900156	Trần Bình	Thiên	C09_TH02	5.38	2.33		3.63	3.70		3.33	3.96	42	20	CCHV_2			CCHV_2			Cảnh cáo vì học lực
18	CD50900157	Huỳnh Nguyên	Thuận	C09_TH02	5.56	2.95	0.00	4.00	3.80		2.00	3.65	34	16	CCHV_1			CCHV_1			Cảnh cáo vì học lực
19	CD50900160	Phạm Thị Như	Thủy	C09_TH02	6.19	5.62	4.00	5.79	5.45	3.00	5.20	5.94	68	34	BT			BT			
20	CD50900162	Ngô Đức	Tuấn	C09_TH02	6.38	6.57		5.50	7.17		6.93	6.65	79	38	BT			BT			
21	CD50900163	Nguyễn Anh	Tuấn	C09_TH02	6.56	6.14		6.79	7.11		6.83	6.95	80	39	BT			BT			
22	CD50900167	Lại Quốc	Vương	C09_TH02	5.19	3.43		4.12	2.05		1.43	3.40	33	15	CCHV_2			CCHV_2			Cảnh cáo vì học lực
23	CD50900168	Vũ Hoàng Thanh	Vương	C09_TH02	7.19	7.95		6.64	7.11		6.57	7.17	83	40	BT			BT			

Lưu ý: Học phí và Điểm trung bình được tính đến ngày 12/03/2012

Qui ước:

No_HP : Nợ học phí học kỳ
No_HP1 : Nợ học phí học kỳ + học kỳ hè
No_HP2 : Nợ học phí học lại
No_HP3 : Nợ học phí học kỳ hè

CCHV_1 : Cảnh cáo học vụ lần 1
CCHV_2 : Cảnh cáo học vụ lần 2
CCHV_3 : Cảnh cáo học vụ lần 3
CCHV_4 : Cảnh cáo học vụ lần 4

Ko_DKMH : Không đăng ký môn học
TAMDUNG : Sinh viên xin tạm dừng học
BT : Kết quả học tập bình thường

BTD : Buộc tạm dừng học
BTH : Buộc thôi học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_TH02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XÉT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
				091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	GS. TS. ĐÀO VĂN LƯỢNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_TH03

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XÉT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
					091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	
1	CD50900173	Vòng Tri	Dìn	C09_TH03	7.00	6.62		6.93	5.56		7.31	6.71	77	38	BT			BT			
2	CD50900199	Trần Đại	Dương	C09_TH03	5.31	4.33			6.44	3.33	5.47	5.46	47	24	BT			BT			
3	CD50900169	Lê Minh Duy	Đan	C09_TH03	4.56	4.38	3.00	4.69	5.67	4.00	5.63	5.23	59	30	BT			BT			
4	CD50900172	Phạm Nguyễn Trung	Đạt	C09_TH03	6.13	3.95	0.00	4.14	0.30		0.00	2.95	27	13	DB_CCHV_2	Ko_DKMH		CCHV_2	BTD_DKMH		Buộc tạm dừng học
5	CD50900170	Nguyễn Hải	Đăng	C09_TH03	5.19	5.14	4.00	4.14	5.94		4.52	5.20	57	29	BT			BT			
6	CD50900174	Trần Trí	Đức	C09_TH03	5.31	4.90	1.33	4.75	6.35	5.33	6.10	6.04	66	32	BT			BT			
7	CD50900175	Nguyễn Thanh	Hải	C09_TH03	6.38	5.71		6.43	4.95		6.50	5.99	80	39	BT			BT			
8	CD50900176	Trần Thị Ngọc	Hân	C09_TH03	7.19	6.10		5.93	7.20		6.65	6.78	76	37	BT			BT			
9	CD50900177	Phạm Thị Minh	Hiền	C09_TH03	7.00	6.05		5.50	5.50		6.63	6.18	77	38	BT			BT			
10	CD50900178	Phạm Đức	Hiệp	C09_TH03	7.56	7.48		7.50	7.72		8.50	7.72	83	40	BT			BT			
11	CD50900180	Huỳnh Minh	Huy	C09_TH03	6.19	5.62		5.13	5.32		6.89	6.00	73	36	BT			BT			
12	CD50900181	Lý Thành	Huy	C09_TH03	6.94	7.67		7.14	7.78		8.07	7.53	83	40	BT			BT			
13	CD50900182	Nguyễn Ngọc	Huy	C09_TH03	5.38	4.71	7.00	3.25	6.94		7.36	6.19	72	35	BT			BT			
14	CD50900179	Nguyễn Duy	Hưng	C09_TH03	7.88	6.76		7.36	7.11		6.86	7.17	80	39	BT			BT			
15	CD50900184	Thạch Trường	Long	C09_TH03	6.50	4.33		4.36	6.50		6.05	5.69	68	33	BT			BT			
16	CD50900913	Ngô Phước	Lộc	C09_TH03	5.44	4.48		5.19	6.83		5.67	5.64	72	35	BT			BT			
17	CD50900187	Lê Minh	Phát	C09_TH03	6.56	5.57	4.33	5.07	5.55		6.06	6.04	69	33	BT			BT			
18	CD50900189	Phạm Hồng	Phúc	C09_TH03	5.94	2.14		3.55	6.45		4.60	4.92	55	27	BT			BT			
19	CD50900190	Nguyễn Quốc	Quyền	C09_TH03	7.75	6.52		7.29	8.39		8.57	7.64	80	39	BT			BT			
20	CD50900191	Trần Tấn	Sĩ	C09_TH03	6.31	4.95		6.69	7.06		7.06	6.63	75	37	BT			BT			
21	CD50900192	Đào Tuấn Phi	Sơn	C09_TH03	7.50	6.62		6.93	8.00		5.88	7.06	76	37	BT			BT			
22	CD50900193	Huyền Hoàng	Sơn	C09_TH03	5.06	3.43	3.00	4.53	4.89	5.00	2.67	4.29	50	25	CCHV_1			CCHV_1			Cảnh cáo vì học lực
23	CD50900194	Phan Nhật	Sơn	C09_TH03	5.50	5.05	5.00	5.29	5.95		5.88	5.86	72	35	BT			BT			
24	CD50900197	Trần Đăng	Thắng	C09_TH03	6.06	3.00		3.60	5.85	4.00	6.87	5.78	67	34	BT			BT			
25	CD50900198	Lê Thị Bé	Thơ	C09_TH03	6.81	6.29		6.71	7.40		6.50	6.88	78	38	BT			BT			
26	CD50900200	Trương Võ Đình	Thụy	C09_TH03	3.25	2.05		4.07	6.70	5.33	6.55	5.29	60	29	BT			BT			
27	CD50900201	Châu Liên	Tô	C09_TH03	6.38	4.29	2.00	3.93	6.35		5.27	5.54	63	29	BT			BT			
28	CD50900202	Nguyễn Hoài Bảo	Trọng	C09_TH03	5.50	4.90		4.63	5.89		4.31	5.23	63	30	BT		No_HP2	BT		CC_HPHI	Cảnh cáo vì học phí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_TH03

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XÉT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
					091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	
29	CD50900203	Võ Minh	Tuấn	C09_TH03	6.88	5.48		5.86	6.30		6.83	6.67	76	37	BT			BT			
30	CD50900204	Lê Thị Bích	Vân	C09_TH03	6.81	6.10		6.29	7.55		7.50	6.93	78	38	BT			BT			
31	CD50900208	Phạm Nguyễn Quốc	Vũ	C09_TH03	6.69	6.14		6.50	8.00		7.25	7.16	76	37	BT			BT			

Lưu ý: Học phí và Điểm trung bình được tính đến ngày 12/03/2012

Qui ước:

No_HP : Nợ học phí học kỳ
No_HP1 : Nợ học phí học kỳ + học kỳ hè
No_HP2 : Nợ học phí học lại
No_HP3 : Nợ học phí học kỳ hè

CCHV_1 : Cảnh cáo học vụ lần 1
CCHV_2 : Cảnh cáo học vụ lần 2
CCHV_3 : Cảnh cáo học vụ lần 3
CCHV_4 : Cảnh cáo học vụ lần 4

Ko_DKMH : Không đăng ký môn học
TAMDUNG : Sinh viên xin tạm dừng học
BT : Kết quả học tập bình thường

BTD : Buộc tạm dừng học
BTH : Buộc thôi học

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

NGƯỜI LẬP BẢNG

NGUYỄN THỊ MINH TRÚC

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

GS. TS. ĐÀO VĂN LƯỢNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_TH04

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XÉT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
					091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	
1	CD50900209	Dương Nguyễn Khánh	An	C09_TH04	5.69	4.14	8.00	4.57	4.83		6.48	5.66	70	34	BT			BT			
2	CD50900210	Nguyễn Tuấn Minh	Cường	C09_TH04	4.56	0.33		2.33	2.39	5.00	2.30	2.80	20	8	CCHV_4			DS_CANH BAO_BTH			Cảnh cáo buộc thôi học
3	CD50900212	Trần Anh	Dũng	C09_TH04	6.25	5.29		4.31	4.68		5.94	5.59	62	31	BT			BT			
4	CD50900213	Võ Ngọc	Duyên	C09_TH04	6.13	6.38	8.00	6.25	5.52		6.56	6.71	78	38	BT			BT			
5	CD50900910	Vũ Nguyễn Hoàng	Hải	C09_TH04	5.69	1.90	1.67	2.71	1.48		0.70	2.58	19	9	CCHV_4		No_HP2	DS_CANH BAO_BTH		CC_HPHI	Cảnh cáo buộc thôi học + học phí
6	CD50900215	Trần Công	Hiệp	C09_TH04	7.13	6.38		4.93	4.32		4.75	5.77	63	30	BT			BT			
7	CD50900216	Bùi Chí	Hiếu	C09_TH04	3.50	5.52	3.67	6.13	6.29	5.00	6.62	6.28	75	37	BT			BT			
8	CD50900217	Nguyễn Thái	Hòa	C09_TH04	5.19	5.67	3.00	4.31	5.77		6.20	5.86	62	31	BT			BT			
9	CD50900932	Phùng Thị Lan	Hương	C09_TH04	6.69	6.86		6.36	6.61		6.88	6.76	83	40	BT			BT			
10	CD50900218	Trương Võ Đăng	Khoa	C09_TH04	7.13	6.05		6.29	6.09		6.82	6.78	83	40	BT			BT			
11	CD50900220	Trần Thanh	Long	C09_TH04	6.31	5.38	4.00	5.79	4.39	8.00	4.79	5.60	68	33	BT			BT			
12	CD50900219	Trương Phúc	Lợi	C09_TH04	5.38	5.14		3.44	0.43	0.00	2.29	3.54	27	15	CCHV_2			CCHV_2			Cảnh cáo vì học lực
13	CD50900221	Dương Thị Ngọc	Lưu	C09_TH04	6.94	6.38		6.29	6.43		6.00	6.59	83	40	BT			BT			
14	CD50900222	Kiều Tuấn	Minh	C09_TH04	0.00	2.10	6.67	4.35	6.05		3.30	4.30	48	23	BT			BT			
15	CD50900223	Trương Quốc	Minh	C09_TH04	7.63	6.90		7.21	6.19		6.44	7.04	80	39	BT			BT			
16	CD50900224	Bùi Minh	Nghĩa	C09_TH04	6.81	6.86		6.82	6.67		6.94	7.16	79	38	BT			BT			
17	CD50900226	Nguyễn Văn	Phong	C09_TH04	5.94	6.67		6.29	5.09		7.75	6.66	76	37	BT			BT			
18	CD50900227	Lê Thị Hồng	Quế	C09_TH04	5.88	6.24	5.00	5.61	6.06		5.94	6.19	79	38	BT			BT			
19	CD50900228	Trần Minh	Sang	C09_TH04	5.56	4.14	3.33	3.36	1.13		0.80	3.12	26	14	CCHV_2		No_HP2	CCHV_2		CC_HPHI	Cảnh cáo vì học lực + học phí
20	CD50900230	Dương Xuân	Thái	C09_TH04	5.50	5.10	2.67	0.89	5.17		0.00	3.66	34	16	DB_CCHV_2	Ko_DKMH	No_HP	CCHV_2	BTD_DKMH	DC_HPHI	Buộc tạm dừng học
21	CD50900231	Trần Thị Ngọc	Thu	C09_TH04	9.06	7.62		7.57	7.78		8.50	8.18	83	40	BT			BT			
22	CD50900233	Bùi Hoàng	Tín	C09_TH04	5.25	4.29		3.33	4.35		5.12	4.69	49	25	BT			BT			
23	CD50900234	Bùi Tố Anh	Tuấn	C09_TH04	6.69	4.62		6.29	3.82		5.70	5.63	63	31	BT			BT			
24	CD50900236	Nguyễn Trần Anh	Tuấn	C09_TH04	5.94	6.19		5.50	5.30		6.13	6.02	74	36	BT			BT			
25	CD50900237	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	C09_TH04	5.81	4.76	4.00	2.79	3.87	5.00	5.11	4.96	57	27	BT			BT			
26	CD50900238	Châu Quốc	Vàng	C09_TH04	5.94	5.29	5.00	6.14	4.48		2.94	5.39	60	29	CCHV_1			CCHV_1			Cảnh cáo vì học lực
27	CD50900240	Tạ Hồng	Vinh	C09_TH04	4.94	3.86	0.00	5.14	4.86	4.00	1.30	4.25	41	22	CCHV_1	Ko_DKMH		CCHV_1	BTD_DKMH		Buộc tạm dừng học

Lưu ý: Học phí và Điểm trung bình được tính đến ngày 12/03/2012

Qui ước:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_TH04

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XÉT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
				091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	

No_HP : Nợ học phí học kỳ
No_HP1 : Nợ học phí học kỳ + học kỳ hè
No_HP2 : Nợ học phí học lại
No_HP3 : Nợ học phí học kỳ hè

CCHV_1 : Cảnh cáo học vụ lần 1
CCHV_2 : Cảnh cáo học vụ lần 2
CCHV_3 : Cảnh cáo học vụ lần 3
CCHV_4 : Cảnh cáo học vụ lần 4

Ko_DKMH : Không đăng ký môn học
TAMDUNG : Sinh viên xin tạm dừng học
BT : Kết quả học tập bình thường

BTD : Buộc tạm dừng học
BTH : Buộc thôi học

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

NGƯỜI LẬP BẢNG

NGUYỄN THỊ MINH TRÚC

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

GS. TS. ĐÀO VĂN LƯỢNG